

Bản án số: 57A/2020/HS-ST

Ngày: 14/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ- TỈNH BẮC GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Miện

2. Ông Trương Đức Lâm

- **Thư ký phiên toà:** bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:** Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2020/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46a/2020/QĐXX-HSST ngày 07 tháng 7 năm 2020, đối với các bị cáo :

1. Nguyễn Văn B – sinh năm 1984

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Ngọ Phúc, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà, , tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Tập – sinh năm 1961; và bà: Nguyễn Thị Thu(đã chết); vợ: Nguyễn Thị Chung – sinh năm 1985; con: có 04 con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2014; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 27/3/2020 đến ngày 01/4/2020 được thay T B biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên toà).

2. Họ và tên: **Ngô Văn T** - sinh năm 1987; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Ngọ Phúc, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn Bảy – sinh năm 1965; và bà: Nguyễn Thị Thật – sinh năm 1963; vợ: Nguyễn Thị Thành – sinh năm 1986; con: có 03 con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; gia đình

có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 27/3/2020 đến ngày 01/4/2020 được thay T B biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại(Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** - sinh năm 1987;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Ngọ Phúc, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức Chính – sinh năm 1963; và bà: Nguyễn Thị Hạnh – sinh năm 1963; vợ: Nguyễn Thị Yên – sinh năm 1988; con: có 01 con lớn sinh năm 2008; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 27/3/2020 đến ngày 01/4/2020 được thay T B biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại(Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Ngô Đức T** - sinh năm 1990;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Tân Cầu Rô, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Thiết Bình – sinh năm 1947; và bà: Nguyễn Thị Thịnh – sinh năm 1954; vợ: Nguyễn Thị Hà – sinh năm 1995; con: có 01 con sinh năm 2019; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ út. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 27/3/2020 đến ngày 01/4/2020 được thay T B biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại(Có mặt tại phiên tòa);

5. Họ và tên: **Ngô Văn M** - sinh năm 1986;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Vụ Nông, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn Chiến – sinh năm 1963; và bà: Nguyễn Thị Hiếu – sinh năm 1964; vợ: Nguyễn Thị Mơ – sinh năm 1987; con: có 02 con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 27/3/2020 đến ngày 01/4/2020 được thay T B biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại(Có mặt tại phiên tòa.)

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1986;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Ngọ Phúc, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Đạt – sinh năm 1959; và bà: Ngô Thị Trường – sinh năm 1959; vợ: Nguyễn Thị Nhung – sinh năm 1991; con: có 03 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018;

gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ út. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang và bị tạm giữ từ ngày 27/3/2020 đến ngày 01/4/2020 được thay T B biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại(Có mặt tại phiên tòa);

**\*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Chị Ngô Thị Chung – sinh năm 1965(Có mặt)

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Ngô Phúc, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, , tỉnh Bắc Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Văn B ở nhà thì các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Ngô Văn T, Ngô Đức T, Ngô Văn M, và Nguyễn Văn T đã hỏi B cho các bị cáo được chơi bạc trong nhà của B, hình thức đánh bạc là đánh “Sâm” và B đã đồng ý. B và các bị cáo đánh bạc thỏa thuận, trong quá trình đánh bạc nếu ai được Sâm sẽ cắt 100.000đ để vào trong hộp nhựa cho B. Ngoài ra, còn có các anh Nguyễn Văn Toàn – sinh năm 1984, TQ: thôn Vụ Nông, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang và anh Ngô Văn Sơn – sinh năm 1983, TQ: thôn Ngô Phúc, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang có đến nhà B chơi nhưng không tham gia đánh bạc. Sau đó, B cho các bị cáo đánh bạc tại tầng hai của nhà B, tại đây B đã trải sẵn đệm xốp, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 hộp nhựa để tiền hồ(Trong hộp B có để sẵn tờ 200.000đ là tiền của B để trong hộp nhựa). B không tham gia đánh bạc mà đi vào trong buồng để ngủ. Các bị cáo Đ, T, T, M và Thuỷ đánh bạc đến 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Hiệp Hoà bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu tại chiếu bạc số tiền: 6.550.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân ; 10 tấm đệm xốp màu xanh kích thước (60 x 60)cm; 01 hộp nhựa màu trắng hồng khối trụ vuông bên trong có 300.000 đồng. Thu trên người các đối tượng các tài sản sau: Ngô Văn T : 7.400.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus Imei: 355350081927733; Ngô Văn M số tiền: 3.800.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Oppo Imei1: 865251039198695; Imei2: 865251039198687; Ngô Đức T: 4.800.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Iphone : 353269077321390; Nguyễn Văn Đ : 10.100.000đ và 01 chiếc điện thoại di động Iphone XSmax Imei: 358743091936610; Nguyễn Văn T : 2.800.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Iphone 7 màu trắng bị đập vỡ hoàn toàn; Nguyễn Văn B 01 chiếc điện thoại Oppo F9 ; Ngô Văn Sơn số tiền: 11.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động Iphone.

**Hình thức các bị cáo đánh bạc dưới hình thức đánh “Sâm” như sau :**

*Sâm lốc là một trò chơi đánh bài dựa trên bộ bài Tây 52 quân .*

**-Bộ bài – Người chơi :**

Mỗi người chơi sẽ được chia 10 lá khi bắt đầu ván bài. Ở ván đầu tiên, người giữ quân bài nhỏ nhất trong bàn sẽ được đánh trước ; từ ván thứ hai trở đi, người về nhất của ván trước sẽ giành được quyền đi đầu.

**-Thứ tự quân :**

Bài lẻ (rác) : Là các quân bài đơn lẻ không nằm trong bộ nào, được kể đến dưới đây. Trong luật chơi Sâm lốc, thứ tự các quân bài là 3,4,5....J, Q, K,A, 2. Trong đó, 3 là quân nhỏ nhất và 2 là quân lớn nhất.

Đôi : Là cặp bao gồm 2 quân bài cùng số, đôi 3 là đôi nhỏ nhất và đôi 2 là đôi lớn nhất.

Sám : Là bộ gồm 3 quân bài cùng số, thứ tự lớn nhỏ tương tự như bài lẻ.

Tứ quý : Bộ gồm 4 lá bài cùng số. Thứ tự nhỏ đến lớn cũng tính từ 3 đến 2.

Sảnh : Bộ gồm các quân bài có thứ tự liên tiếp, độ dài của sảnh bắt buộc phải từ 3 lá trở lên, độ lớn của sảnh được tính : sảnh nhỏ nhất bắt đầu từ A, sảnh lớn nhất kết thúc bởi A.

**Các thuật ngữ trong luật chơi Sâm :**

Ăn trắng (Sâm) được tính khi người chơi sở hữu bài có : sảnh 10 lá (sảnh rồng) ; tứ quý 2 ; Cả 10 lá bài cùng màu (không cần cùng chất hoàn toàn) ; 3 sám cô ; 5 đôi .

Thứ tự ưu tiên báo : Sảnh rồng > Tứ quý 2 > Cùng màu > 3 sám cô > 5 đôi.

Báo sâm : Xem bài, nếu người chơi thấy bài của mình có thể về nhất và không ai có thể chặn được thì người chơi có thể « báo sâm » để giành quyền ưu tiên đánh trước. Sau khi giành được cái, người chơi sẽ đánh lần lượt bài của mình xuống. Nếu « báo sâm » thành công thì người chơi sẽ được tính là về nhất. Nếu thất bại thì người chơi phải đền làng . - Cách chơi sâm lốc :

Khi chơi sâm, người đi sau sẽ lần lượt chặn bài người đi trước B quân bài/ bộ mà người đi trước đánh. Đôi chặn đôi, sám chặn sám, sảnh chặn sảnh (sảnh phải lớn hơn và có độ dài B sảnh của người đi trước mới được chặn).

Tứ quý bất kỳ có thể chặn được 2. Một tứ quý chỉ chặn được 1 quân 2.

Khi đánh ra một quân/bộ mà không có ai trong bàn có thể chặn được thì người chơi sẽ giành được cái cho lượt đi kế tiếp.

Trong sâm lốc, nếu người chơi về nhất B quân 2 sẽ bị tính là « thối 2 ».

**-Cách tính điểm trong luật chơi sâm lốc**

Ăn trắng : Mỗi người chơi 20 quân bài x mức cược + 2 + tứ quý (nếu trong bài có 2 hoặc tứ quý).

*Thắng bình thường : Số quân bài còn lại x mức cược + 2 + Tứ quý (nếu trong bài có 2 hoặc tứ quý) .*

*Cóng : 15 quân bài x mức cược + 2 + tứ quý (nếu trong bài có 2 hoặc tứ quý).*

*Báo sâm : ăn mỗi nhà 20 quân x Mức cược.*

*Đền làng : 20 quân bài x mức cược x số người chơi .*

*Các bị cáo quy ước với nhau : đánh sâm 50.000đ/01 quân bài cứ như vậy các bị cáo sát phạt nhau hết ván này đến ván khác đến 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang.*

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo vẫn giữ nguyên về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Gá bạc”; Các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Văn Đ, Ngô Đức T, Ngô Văn M và Nguyễn Văn T về tội "Đánh bạc".

1. Áp dụng: điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 20.000.000đồng đến 22.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

2. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, p khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Ngô Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Ngọc Văn Thủy.

3. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

4. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Ngô Đức T từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 20 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

5. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Ngô Văn M từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 20 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

6. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 12 tháng đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Giao các bị cáo: Nguyễn Văn B, Ngô Văn Thủy, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T cho UBND xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo: Ngô Văn T, Ngô Văn M cho UBND xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian các bị cáo thi hành án và chấp hành thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

\* **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS : Tịch thu sung công số tiền thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: 35.550.000đ (ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại bị cáo B 200.000đ là tiền của bị cáo không sử dụng vào đánh bạc nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 10.200.000đ và bị cáo Ngô Văn T 10.200.000đ. Nhưng được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy : 10 tấm đệm xốp màu xanh kích thước (60 x 60)cm; 01(một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân ; 01(một) hộp nhựa màu trắng hồng, khối trụ vuông;

+ Trả lại bị cáo Ngô Văn T 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus số Imei: 355350081927733; Bị cáo Ngô Văn M 01 chiếc điện thoại Oppo số Imei1: 865251039198695; số Imei2: 865251039198687; bị cáo Nguyễn Văn T 01 chiếc điện thoại Iphone 7 màu trắng bị đập vỡ hoàn toàn và bị cáo Nguyễn

Văn B 01 chiếc điện thoại di động Oppo F9 số Imei1: 866376047022675; Imei2: 866376047022667 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

**\*Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ, Ngô Văn M, Ngô Đức T, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Ngô Văn Thủy không phải chịu án phí HSST.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Điều đó có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số 51/CT – VKSHH ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn B về tội “Gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Văn Đ, Ngô Đức T, Ngô Văn M và Nguyễn Văn T về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình là đúng người, đúng tội không oan.

[3] Ngày 27/3/2020, Nguyễn Văn B ở thôn Ngô Phúc, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa đã chuẩn 01 bộ bài tú lơ khơ, rải tấm đệm xốp và cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Ngô Văn T, Ngô Đức T, Ngô Văn M, và Nguyễn Văn T đánh bạc B hình thức đánh “Sâm” tại tầng hai của gia đình B mục Đ thu “Tiền hồ”. Các bị cáo đánh bạc đến 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Hiệp Hòa bắt quả tang. Tổng số tiền các đối tượng dùng vào đánh bạc là 35.550.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm năm. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo: Nguyễn Văn B phạm tội “Gá bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Văn Đ,

Ngô Đức T, Ngô Văn M và Nguyễn Văn T phạm tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình là có căn cứ.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự, an ninh trên địa bàn. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như: trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp tài sản...Hội đồng xét xử xét thấy, cần xử lý các bị cáo B pháp luật hình sự là xử phạt các bị cáo B một hình phạt nghiêm khắc và cần áp dụng thêm khoản 3 Điều 321 BLHS với các bị cáo là có căn cứ. Riêng bị cáo Ngọc Văn Thủy là người tàn tật nên được miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là có căn cứ.

[5] Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị, HĐXX xét thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nên khi xem xét quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất của đồng phạm, vai trò mức độ tham gia của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17; Điều 58 BLHS là có căn cứ.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, HĐXX cần phân tích đánh giá như sau:

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án HĐXX xét thấy các vai trò lần lượt như sau: Bị cáo Nguyễn Văn B có vai trò cao nhất khi không kiên quyết từ chối lời đề nghị của các bị cáo đánh bạc, đã để các con bạc đánh bạc sát phạt nhau B tiền. Mặc dù, bản thân bị cáo chưa thu được lợi nhuận thì đã bị Cơ quan Công an bắt giữ nhưng cũng cần đánh giá vai trò như vậy đối với bị cáo để làm bài học rút kinh nghiệm trong cuộc sống. Tiếp đến là vai trò của các bị cáo có số tiền chơi lần lượt từ cao xuống thấp là: Ngô Văn Thủy, Nguyễn Văn Đ, Ngô Đức T, Ngô Văn M và Nguyễn Văn T. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, HĐXX thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, HĐXX cần phân tích đánh giá như sau:

Xét Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Thủy, Đ, M, T, T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 cho bị cáo là có căn cứ. Riêng bị cáo Ngô Văn Thủy là người tàn tật có giấy chứng nhận của cơ quan chức năng và bản thân bị cáo hàng tháng vẫn được hưởng trợ cấp của xã hội nên cần áp dụng thêm điểm p khoản 1 Điều 51 cho bị cáo là có căn cứ. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn B trong thời gian tại ngoại đã có việc làm tốt được khen thưởng khi nhặt được tài sản của người khác



đã đến Cơ quan Công an khai báo để trả lại cho người mất. bị cáo Nguyễn Văn T đã tham gia quân ngũ và hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương, bị cáo Ngô Đức T có bố để được tặng thưởng huân chương hạng ba. Vì vậy, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51BLHS cho các bị cáo là có căn cứ.

Qua đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy, Việc các bị cáo tự phát rủ nhau cùng đánh bạc cũng xuất phát từ mối quan hệ họ hàng, bạn bè thân thiết đến nhà nhau chơi ăn cơm, uống rượu xong thì cùng rủ nhau chơi chứ không phải mang tính chất chuyên nghiệp có tổ chức, bản thân các bị cáo tại địa phương đều là người lao động, là trụ cột chính trong gia đình và các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Vì T, nên khi áp dụng hình phạt nghiêm khắc cho các bị cáo để giáo dục và phòng ngừa thì cũng cần xem xét tình hình thực tế cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật tiếp tục lao động, tu dưỡng bản thân để xây dựng cuộc sống của gia đình các bị cáo là cần thiết. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà để bị cáo cải tạo tại địa phương và giao cho UBND xã nơi cư trú của bị cáo giám sát bị cáo trong thời gian thử thách là đủ tính răn đe với các bị cáo.

**Về hình phạt bổ sung:** Ngoài hình phạt chính HĐXX xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo để tăng tính răn đe cho các bị cáo là cần thiết. Tuy nhiên, đối với bị cáo Ngô Văn Thủy là người khuyết tật và đang được hưởng trợ cấp nên HĐXX xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Đối với chị Ngô Thị Chung là vợ của Nguyễn Văn B, khi B cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà chị Chung không biết và bị cáo B cũng không bàn bạc gì với chị. Vì vậy, không xem xét và xử lý trách nhiệm với chị Chung là có căn cứ.

Đối với các anh Ngô Văn Toàn và Ngô Văn Sơn quá trình điều tra xác định anh Toàn và anh Sơn chỉ ngồi xem các đối tượng đánh bạc mà không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

Đối với số tiền 10.200.000đ, bị cáo Nguyễn Văn Đ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà với mục Đ bị cáo tự nguyện giao nộp để được xem xét tài sản bị thu giữ vào ngày 27 tháng 3 năm 2020 là 01 chiếc điện thoại di động IPHONE XSMAX có số IMEI : 358743091936610. Ngày 29 tháng 5 năm 2020 CQĐT đã trả lại cho Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động nói trên. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà đã xác minh Đ không sử dụng chiếc điện thoại trên vào mục Đ đánh bạc nên số tiền 10.200.000đ Đ đã nộp cần tuyên trả cho bị cáo là có căn cứ.

Đối với số tiền 10.200.000đ, bị cáo Ngô Văn T nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà với mục Đ bị cáo tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả do hành vi đánh bạc và xin lại điện thoại IPHONE có số IMEI : 353269077321390. Ngày 29 tháng 5 năm 2020 CQĐT đã trả lại cho Ngô Văn T 01 điện thoại di động nói trên. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà đã xác

minh T không sử dụng chiếc điện thoại trên vào mục Đ đánh bạc nên số tiền 10.200.000đ T đã nộp cần tuyên trả cho bị cáo là có căn cứ.

[6] Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

+Tịch thu sung công số tiền thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: 35.550.000đ (ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại bị cáo B 200.000đ là tiền của bị cáo không sử dụng vào đánh bạc nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 10.200.000đ và bị cáo Ngô Văn T 10.200.000đ. Nhưng được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy : 10 tấm đệm xốp màu xanh kích thước (60 x 60)cm; 01(một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân ; 01(một) hộp nhựa màu trắng hồng, khối trụ vuông;

+ Trả lại bị cáo Ngô Văn T 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus số Imei: 355350081927733; Bị cáo Ngô Văn M 01 chiếc điện thoại Oppo số Imei1: 865251039198695; số Imei2: 865251039198687; bị cáo Nguyễn Văn T 01 chiếc điện thoại Iphone 7 màu trắng bị đập vỡ hoàn toàn và bị cáo Nguyễn Văn B 01 chiếc điện thoại di động Oppo F9 số Imei1: 866376047022675; Imei2: 866376047022667 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7]**Về án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 22 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Ngô Đức T, Ngô Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST, bị cáo Ngô Văn Thủy không phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn B phạm tội “Gá bạc” ;

Tuyên bố Các bị cáo Ngô Văn T, Nguyễn Văn Đ, Ngô Đức T, Ngô Văn M và Nguyễn Văn T phạm tội "Đánh bạc" .

1. Áp dụng: điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 20.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

2. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, p khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Ngô Văn T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Ngọc Văn Thủy.

3. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

4. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Ngô Đức T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

5. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Ngô Văn M 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

6. Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung 10.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Giao các bị cáo: Nguyễn Văn B, Ngô Văn Thủy, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn T cho UBND xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo: Ngô Đức T, Ngô Văn M cho UBND xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian các bị cáo thi hành án và chấp hành thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

\* **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS : Tịch thu sung công số tiền thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: 35.550.000đ (ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại bị cáo B 200.000đ là tiền của bị cáo không sử dụng vào đánh bạc nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 10.200.000đ và bị cáo Ngô Văn T 10.200.000đ. Nhưng được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy : 10 tấm đệm xốp màu xanh kích thước (60 x 60)cm; 01(một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân ; 01(một) hộp nhựa màu trắng hồng, khối trụ vuông;

+ Trả lại bị cáo Ngô Văn T 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus số Imei: 355350081927733; Bị cáo Ngô Văn M 01 chiếc điện thoại Oppo số Imei1: 865251039198695; số Imei2: 865251039198687; bị cáo Nguyễn Văn T 01 chiếc điện thoại Iphone 7 màu trắng bị đập vỡ hoàn toàn và bị cáo Nguyễn Văn B 01 chiếc điện thoại di động Oppo F9 số Imei1: 866376047022675; Imei2: 866376047022667 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

**Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ,

Ngô Đức T, Ngô Văn M, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Ngô Văn Thủy không phải chịu án phí HSST.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Cơ quan điều tra Hiệp Hòa;
- Cơ quan THA hình sự Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN**

